

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-11-2023
“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Tất Thê

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Bảo Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà
Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà
Tĩnh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý
số: 74/2023/TLST - HNGĐ, ngày 18/5/2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 96/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/9/2023, Quyết định hoãn phiên tòa
án định thời gian mở lại phiên tòa số 55/2023/QĐST – HNGĐ ngày 30/9/2023
và Quyết định hoãn phiên tòa án định thời gian mở lại phiên tòa số
56/2023/QĐST – HNGĐ ngày 30/10/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị P, sinh năm 1992; Nơi đăng ký hộ khẩu thường
trú: Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phan Văn Q; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất
cảnh: Thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang sinh sống và làm việc tại
Đài Loan). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, chị Võ Thị P trình
bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị P và anh Phan Văn Q kết hôn với nhau
vào ngày 15/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Trước
khi kết hôn chị P và anh Q được tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết
hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng có nhiều

mâu thuẫn, bất mãn, không thể hàn gắn. Anh Q đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với vợ. Đến năm 2020, anh Q sang Đài Loan làm ăn, chị P không rõ địa chỉ cụ thể của anh Q tại Đài Loan. Hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh Q.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị P và anh Q có 03 con chung là Phan Văn Trung N, sinh ngày 08/12/2011; Phan Văn Đức P1, sinh ngày 22/10/2013 và Phan Thị Mai C, sinh ngày 22/07/2019 Con hiện đang sống cùng chị P, khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, chị P và anh Q tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn Q hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Phan Văn Q nhưng không được cung cấp địa chỉ của anh Q ở Đài Loan; anh Q cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 273, 469, khoản 2 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01 /2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị P: Xử cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Q; Về con chung: Giao 03 con chung là Phan Văn Trung N, sinh ngày 08/12/2011; Phan Văn Đức P1, sinh ngày 22/10/2013 và Phan Thị Mai C, sinh ngày 22/07/2019 cho chị Võ Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Phan Văn Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm, cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con: Không ai yêu cầu, Tòa án không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 17771/QLXNC-P5, ngày 13/7/2023 của Cục Q1 - Bộ C1, xác nhận: Anh Phan Văn Q, sinh ngày 15/08/1988 số CMTND 183619454, HKTT: xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xuất cảnh lần gần đây nhất ngày 09/11/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Phan Văn Q hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân anh Phan Văn Q gồm các văn bản tố tụng như: “Thông báo thụ lý vụ án”; “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”; “Quyết định đưa vụ án ra xét xử”; “Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa”. Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của anh Q đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị P nhưng anh Q không có bất kỳ văn bản tài liệu nào gửi về Tòa án tỉnh Hà Tĩnh. Tòa án đã hai lần làm việc, yêu cầu nhân thân của anh Q cung cấp địa chỉ, tin tức để Tòa án giải quyết vụ án nhưng giai đình từ chối, không hợp tác với tòa án. Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho bị đơn trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tiến hành xác minh lần hai nhưng không có kết quả và đã mở phiên tòa ấn định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 30/9/2023, lần 2 vào ngày 30/10/2023, lần 3 vào ngày 10/11/2023 tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng anh Q vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn Q theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị P và anh Phan Văn Q đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 15/12/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gia thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất mãn, không thể hàn gắn. Anh Q đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với vợ. Đến năm 2020, anh Q sang Đài Loan làm ăn, vợ chồng không quan tâm nhau, mâu thuẫn ngày càng lớn, không có sự tin tưởng lẫn nhau. Hiện tại, chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, mong muốn được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. Về phía anh Phan Văn Q, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt văn bản cho anh nhưng không trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...nhưng hôn nhân giữa chị P và anh Q không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn*”. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Phú x cho chị được ly hôn anh Phan Văn Q để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Võ Thị P và anh Phan Văn Q có 03 con chung là Phan Văn Trung N, sinh ngày 08/12/2011; Phan Văn Đức P1, sinh ngày 22/10/2013 và Phan Thị Mai C, sinh ngày 22/07/2019. Hiện tại, các cháu đang sống cùng chị Võ Thị P. Khi ly hôn, chị P có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành, chị P và anh Q tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị P là chính đáng và phù hợp vì từ khi anh Q đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài đến nay cháu đều sống cùng chị P, được mẹ chăm sóc đầy đủ các cháu đều phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Anh Q hiện đang lao động tại Đài Loan không thể trực tiếp chăm sóc các cháu. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu Phan Văn Trung N, Phan Văn Đức P1 cũng có đơn trình bày nguyện vọng muốn sống cùng mẹ Võ Thị P để mẹ có điều kiện chăm sóc và đảm bảo ăn học. Do đó, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu và không làm xáo trộn cuộc sống, tâm sinh lý của các cháu sau khi bố mẹ ly hôn cần căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị Võ Thị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Phan Văn Trung N, sinh ngày 08/12/2011; Phan Văn Đức P1, sinh ngày 22/10/2013 và Phan Thị Mai C, sinh ngày 22/07/2019 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị P và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Anh Phan Văn Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 273, 469, khoản 2 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b tiểu mục 2.1, mục 2 phần II Nghị quyết số 01 /2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị P, xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Võ Thị P ly hôn với anh Phan Văn Q.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Phan Văn Trung N, sinh ngày 08/12/2011; Phan Văn Đức P1, sinh ngày 22/10/2013 và Phan Thị Mai C, sinh ngày 22/07/2019 cho chị Võ Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con.

Anh Phan Văn Q có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cấm, cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con: Không ai yêu cầu, Tòa án không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Võ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000530 ngày 18/5/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Thiên Lộc;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Hồng Nguyễn Tất Thế

Trần Thị Thu Hiền